**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CÁI BÈ**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: **163**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **07/8/2018**
V/v tranh chấp ***" Xin ly hôn "***

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Trần Xuân Văn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1) Ông Trần Văn Hài

2) Ông Nguyễn Văn Bộ

*Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa***:** không có.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 523/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Mười E, sinh năm: 1969

Tạm trú: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh T

*(Bà T, ông E có mặt tại phiên tòa)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Mười E do mai mối nên tiến tới hôn nhân vào năm 2004. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 16/11/2007 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2011 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cải vã, kể từ đầu năm 2018 đến nay mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do ông Mười E có thái độ không tôn trọng bà và gia đình bà,

thường hay ghen tuông vô cớ, đánh đập bà. Vợ chồng còn chung sống trong nhà nhưng đã ly thân từ khi bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn đến nay. Nay tình cảm của bà dành cho ông Mười E không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 22/01/2006; Nguyễn Thị Quế M, sinh ngày 12/3/2008 và Nguyễn Thị Quế M, sinh ngày 04/02/2011 hiện đang sống cùng bà T và ông Mười E. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông Mười E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Tại bản tự khai ngày 08/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn Mười E trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày là không đúng. Hiện nay giữa ông và bà T vẫn còn chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng xảy ra tranh cãi chủ yếu do hai bên không thống nhất về công việc làm ăn. Bà T hiện là công nhân nên thời gian đi làm đã ảnh hưởng đến việc cham sóc con chung. Do gia đình có cơ sở kinh doanh tại nhà, thu nhập ổn định nên ông muốn bà T ở nhà để giúp ông trong công việc mua bán và chăm sóc con chung nhưng bà T không đồng ý từ đó mới xảy ra tranh chấp cải vã nhau. Nay ông còn thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung như bà T trình bày. Nếu ly hôn, ông yêu cầu nuôi 03 con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của các con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn ông Nguyễn Văn Mười E giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn Mười E là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, hai bên thống nhất khai nguyên nhân mâu thuẫn chính xuất phát từ công việc làm ăn của hai bên và thời gian chăm sóc con chung, ngoài ra không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn chính thì hiện tại bà T đang là công nhân, thời gian đi làm cả ngày, thu nhập không ổn định, không có thời gian chăm sóc gia đình và con chung. Riêng ông Mười E

hiện nay có cơ sở làm ăn tại nhà, cuộc sống thu nhập ổn định, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con tốt. Ông cũng tạo điều kiện cho bà T về công việc, ổn định trong thu nhập, giúp đỡ bà trong việc chăm sóc, giáo dục con chung nhưng bà T vẫn không đồng ý. Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy việc đi làm công nhân của bà T tại thời điểm này là không phù hợp vì điều kiện công việc tại gia đình cho bà vẫn có, con cái còn nhỏ, cần phải có sự quan tâm chăm sóc, yêu thương từ người mẹ. Mặc khác, dù bà T cương quyết ly hôn nhưng hai bên vẫn còn sống chung. Thời gian ly thân giữa hai bên chỉ mới 01 tháng. Từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nhưng ông Mười E cũng thường xuyên lên nhà khuyên nhủ bà quay về. Đối với các con chung, ông vẫn đảm bảo ổn định về cuộc sống, học hành. Như vậy chứng tỏ ông Mười E là người chồng, người cha sống có trách nhiệm với gia đình, những bất đồng trong thời gian chung sống không đến mức trầm trọng. Hiện tại con chung còn nhỏ, nếu ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến phát triển tâm lý và nhân cách sống sau này của con chung.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên không đến mức trầm trọng, vẫn còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà  Tươi phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử**:

1. Về hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà  Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08963 ngày 05/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Bà  Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn Mười E có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHA DS huyện Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Trần Xuân Văn**